



cǎo shān

草 苫

noun · straw mat; rush matting

Example Sentence

Nóng mín yòng cǎo shān bǎo hù cài miáo

农民用草苫保护菜苗。

Farmers use straw mats to protect vegetable seedlings.

Trace each character, then write the word on your own.

草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草
草										

苫	苫	苫	苫	苫	苫	苫	苫	苫	苫	苫
